

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ II NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-THCS ngày 10/07/2020 của Hiệu trưởng trường THCS Yên Thọ)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 282/QĐ-PGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều về giao dự toán ngân sách năm 2020 (Nguồn kinh phí thực hiện tự chủ ngân sách năm 2020);

Trường THCS Yên Thọ công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý II năm 2020 như sau:

ĐVT: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2020	Thực hiện quý II năm 2020	Thực hiện quý II/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý II nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	198.000.000	73.440.000	37	130,3
I	Số thu phí, lệ phí	198.000.000	73.440.000	37	130,3
1	Học phí	198.000.000	73.440.000	37	130,3
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Học phí	198.000.000		0	
1.1	<u>Chi thanh toán cho cá nhân</u>	79.200.000		0	
	Mục 6000: Tiền lương	79.200.000		0	
1.2	<u>Chi nghiệp vụ chuyên môn</u>	118.800.000		0	
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	27.000.000		0	
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	35.000.000		0	
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc	5.000.000		0	
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	51.800.000		0	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước			0	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước			0	
I	Nguồn ngân sách trong nước	3.322.000.000	1.636.492.190	49,3	84,5
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.322.000.000	1.636.492.190	49,3	84,5
1.1.1	<u>Chi thanh toán cho cá nhân</u>	2.726.500.000	1.202.866.718	44,1	105,3
	Mục 6000: Tiền lương	1.471.578.000	623.314.087	42,4	106,1
	Mục 6050: Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	-	36.700.996		
	Mục 6100: Phụ cấp lương	854.000.000	348.039.401	40,8	95,1
	Mục 6200: Tiền thưởng	10.000.000		0,0	
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	9.500.000		0,0	
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	370.000.000	193.620.234	52,3	119,8

	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	11.422.000	1.192.000	10,4	
1.1.2	<u>Chi nghiệp vụ chuyên môn</u>	<u>575.500.000</u>	<u>433.097.472</u>	75,3	55,4
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	30.000.000	55.098.272	183,7	106,9
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	91.531.200	73.835.000	80,7	80,0
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc	20.000.000	10.157.400	50,8	103,7
	Mục 6650: Hội nghị	10.000.000	-	0,0	
	Mục 6700: Công tác phí	30.000.000	7.840.000	26,1	68,5
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	68.968.800	33.256.800	48,2	107,2
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	105.000.000	138.274.000	131,7	
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	85.000.000	49.830.000	58,6	
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	120.000.000	56.206.000	46,8	30,5
	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình	15.000.000	8.600.000		0,0
1.1.3	<u>Các khoản chi khác</u>	<u>20.000.000</u>	528.000	2,6	3,9
	Mục 7750: Chi khác	20.000.000	528.000	2,6	3,9
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-	0	

Đông Triều, ngày 10 tháng 07 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Thúy Liễu

56370000

56370000

56370000

1.937.658.721
1.937.658.721
<u>1.142.654.611</u>
587.337.987
27.820.003
365.884.239
-
161.612.382

<u>781.336.110</u>
51.550.461
92.312.000
9.792.449
-
11.440.000
31.024.800
240.824.000
144.988.000
184.404.400
15.000.000
<u>13.668.000</u>
13.668.000
-
-